

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN
LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM
VĨNH LONG

MỤC LỤC

| | Trang |
|---|---------|
| 1. Mục lục | 1 |
| 2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc | 2 - 4 |
| 3. Báo cáo kiểm toán độc lập | 5 - 6 |
| 4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 | 7 - 10 |
| 5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 | 11 |
| 6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 | 12 - 13 |
| 7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 | 14 - 49 |

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần lương thực thực phẩm Vĩnh Long (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty và công ty con – Công ty TNHH lương thực Kiên Nông (gọi chung là “Tập đoàn”).

Khái quát về Công ty

Công ty là Công ty cổ phần được thành lập theo Quyết định số 2204/QĐ-BNN-ĐMDN ngày 01 tháng 8 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn về việc phê duyệt phương án và chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty cổ phần. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1500170900 (số cũ là 5403000041) đăng ký lần đầu ngày 29 tháng 12 năm 2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 19 ngày 24 tháng 9 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Long cấp.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long
- Điện thoại : (070) 3.822.512
- Fax : (070) 3.823.773

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Bán buôn gạo;
- Nuôi trồng thủy sản nội địa;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Bán buôn thực phẩm;
- Bán buôn đồ uống;
- Bán buôn máy tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống);
- Bán mô tô, xe máy;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp;
- Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản;

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Xay sát và sản xuất bột thô;
- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản;
- Sản xuất đồ uống không cồn và nước khoáng;
- Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Vận tải hàng hóa bằng đường thủy nội địa;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày, dép;
- Bán buôn tổng hợp;
- Sản xuất các loại bánh từ bột;
- Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Đại lý, môi giới, đấu giá;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu;
- Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc láo;
- Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh.

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm, miễn nhiệm |
|------------------------|------------|--------------------------------------|
| Ông Châu Hiếu Dũng | Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 24 tháng 11 năm 2015 |
| Ông Nguyễn Ngọc Nam | Chủ tịch | Miễn nhiệm ngày 23 tháng 11 năm 2015 |
| Ông Nguyễn Thọ Trí | Chủ tịch | Miễn nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2015 |
| Ông Cao Minh Lâm | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 31 tháng 10 năm 2014 |
| Ông Đoàn Minh Thư | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 19 tháng 8 năm 2015 |
| Ông Nguyễn Thanh Hoàng | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2012 |
| Ông Phạm Văn Ân | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 24 tháng 11 năm 2015 |

Ban kiểm soát

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm |
|---------------------|------------|-----------------------------------|
| Ông Trần Hữu Hiệp | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2013 |
| Ông Lê Minh Việt | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2013 |
| Ông Nguyễn Như Khoa | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2015 |

Ban Tổng Giám đốc

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm |
|----------------------|-------------------|--------------------------------------|
| Ông Trần Thanh Hùng | Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 15 tháng 10 năm 2014 |
| Ông Nguyễn Văn Hồ | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 11 tháng 3 năm 2010 |
| Ông Nguyễn Ngọc Vinh | Phó Tổng Giám đốc | Miễn nhiệm ngày 01 tháng 10 năm 2015 |



Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Trần Thanh Hùng – Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 15 tháng 10 năm 2014).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Tập đoàn.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất.
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.


Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Trần Thanh Hùng
Tổng Giám đốc

Ngày 17 tháng 3 năm 2016

LIÊN MINH ĐÀ



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty cổ phần lương thực thực phẩm Vĩnh Long (sau đây gọi tắt là "Công ty") và công ty con – Công ty TNHH Lương thực Kiên Nông (gọi chung là "Tập đoàn"), được lập ngày 01 tháng 3 năm 2016, từ trang 07 đến trang 49, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như đã trình bày ở thuyết minh số V.5, Tập đoàn được yêu cầu phải nộp và đã tạm nộp thêm một khoản thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) là 31.347.563.097 VND cho các năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2007 và 31/12/2008 theo Quyết định số 213/QĐ-CT ngày 22/6/2010 và Quyết định số 46/QĐ-CT ngày 28/01/2011 của Cục thuế tỉnh Vĩnh Long, Quyết định số 979/QĐ-TCCT ngày 13/7/2011 của Tổng cục thuế. Tuy nhiên, Tập đoàn không chấp nhận số thuế phải nộp này và đã tiến hành gửi đơn kiện Cục thuế tỉnh Vĩnh Long lên Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long để xác định lại số thuế TNDN phải nộp. Theo bản án sơ thẩm số 07/2013/HCST ngày 24/9/2013, Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long ra Quyết định hủy số thuế TNDN truy thu năm 2007 và 2008 theo Quyết định giải quyết khiếu nại số 46/QĐ-CT ngày 28/01/2011 và Quyết định xử phạt vi phạm pháp luật về thuế số 213/QĐ-CT ngày 22/6/2010 của Cục trưởng Cục thuế tỉnh Vĩnh Long. Không đồng ý với quyết định của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long,

Cục thuế tỉnh Vĩnh Long đã gửi đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân tối cao. Đến thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, vụ kiện chưa được hoàn tất nên Tập đoàn vẫn đang ghi nhận khoản thuế TNDN tạm nộp như một khoản phải thu khác trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Chúng tôi chưa được cung cấp Báo cáo tài chính năm 2015 của Công ty cổ phần nông nghiệp Tam Nông và Công ty cổ phần bia Sài Gòn – Vĩnh Long. Bằng các thủ tục kiểm toán đã thực hiện, chúng tôi không đủ cơ sở đánh giá khả năng trích lập hoặc hoàn nhập dự phòng tổn thất (nếu có) đối với khoản đầu tư tài chính nêu trên của Tập đoàn tại thời điểm 31/12/2015 cũng như ảnh hưởng của vấn đề này đến Báo cáo tài chính hợp nhất. Xem chi tiết giá trị các khoản đầu tư tài chính nêu trên tại thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất số V.2c.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Không phù nhận ý kiến nêu trên, chúng tôi xin lưu ý đến người đọc Báo cáo tài chính hợp nhất rằng: Như đã trình bày ở phần thuyết minh số XIII.8, năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Tập đoàn tiếp tục bị lỗ 74.059.791.280 VND và khoản lỗ lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 155.432.606.416 VND. Đồng thời, tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, các khoản nợ ngắn hạn của Tập đoàn lớn hơn tài sản ngắn hạn của Tập đoàn là 102.037.409.046 VND. Các yếu tố này có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động kinh doanh liên tục của Tập đoàn.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Chi nhánh Cần Thơ



Nguyễn Hữu Danh - Phó Giám đốc

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1242-2013-008-1

Nguyễn Thị Bé Ghi - Kiểm toán viên

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2646-2013-008-1

TP. Cần Thơ, ngày 17 tháng 03 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|-----------------------|------------------------|
| A - TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 88.862.794.692 | 147.140.180.635 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | V.1 | 4.699.514.747 | 10.233.249.885 |
| 1. Tiền | 111 | | 1.399.514.747 | 9.383.249.885 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | 3.300.000.000 | 850.000.000 |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | 1.240.500 | 1.472.100 |
| 1. Chứng khoán kinh doanh | 121 | V.2a | 11.250.882 | 11.250.882 |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh | 122 | V.2a | (10.010.382) | (9.778.782) |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | | - | - |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 80.754.795.739 | 126.906.261.830 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | V.3 | 120.430.378.250 | 131.922.758.323 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | V.4 | 5.101.595.890 | 6.131.652.873 |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 | | - | - |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | | - | - |
| 6. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | V.5 | 34.203.354.938 | 34.768.495.831 |
| 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | V.6 | (78.980.533.339) | (45.916.645.197) |
| 8. Tài sản thiếu chờ xử lý | 139 | | - | - |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | | 1.869.314.222 | 9.053.602.703 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | V.7 | 3.822.565.500 | 9.053.602.703 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | (1.953.251.278) | - |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 1.537.929.484 | 945.594.117 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | V.8a | 94.000.000 | 398.993.579 |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 | | 407.777.592 | 541.084.099 |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | V.15 | 1.036.151.892 | 5.516.439 |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 154 | | - | - |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác | 155 | | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| | | | | |
| B - TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 104.432.711.435 | 205.896.907.566 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | - | - |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | | - | - |
| 2. Trả trước cho người bán dài hạn | 212 | | - | - |
| 3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc | 213 | | - | - |
| 4. Phải thu nội bộ dài hạn | 214 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay dài hạn | 215 | | - | - |
| 6. Phải thu dài hạn khác | 216 | | - | - |
| 7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi | 219 | | - | - |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 75.833.590.467 | 174.533.296.509 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.9 | 56.740.006.545 | 130.030.917.341 |
| - Nguyên giá | 222 | | 122.477.607.923 | 205.501.499.567 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (65.737.601.378) | (75.470.582.226) |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | | - | - |
| - Nguyên giá | 225 | | - | - |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 226 | | - | - |
| 3. Tài sản cố định vô hình | 227 | V.10 | 19.093.583.922 | 44.502.379.168 |
| - Nguyên giá | 228 | | 19.608.206.294 | 45.794.785.178 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | (514.622.372) | (1.292.406.010) |
| III. Bất động sản đầu tư | 230 | | - | - |
| - Nguyên giá | 231 | | - | - |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 232 | | - | - |
| IV. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | 823.614.676 | 823.614.676 |
| 1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 241 | | - | - |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | V.11 | 823.614.676 | 823.614.676 |
| V. Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | 21.258.644.253 | 22.505.720.489 |
| 1. Đầu tư vào công ty con | 251 | | - | - |
| 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 252 | V.2b | 10.986.263.058 | 12.215.360.491 |
| 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | V.2c | 11.500.000.000 | 11.500.000.000 |
| 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | 254 | V.2c | (1.227.618.805) | (1.209.640.002) |
| 5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 255 | | - | - |
| VI. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 6.516.862.039 | 8.034.275.892 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | V.8b | 410.212.889 | 1.758.902.203 |
| 2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại | 262 | V.12 | 6.106.649.150 | 6.275.373.689 |
| 3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn | 263 | | - | - |
| 4. Tài sản dài hạn khác | 268 | | - | - |
| 5. Lợi thế thương mại | 269 | | - | - |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 193.295.506.127 | 353.037.088.201 |

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| C - NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 191.846.892.463 | 277.496.433.965 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 190.900.203.738 | 235.538.378.514 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | V.13 | 295.000 | 10.282.458 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | V.14 | 64.700.000 | 681.637.500 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | V.15 | 415.222.862 | 43.587.246 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | V.16 | 858.120.000 | 2.892.972.885 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | V.17 | 11.494.942.528 | 281.788.121 |
| 6. Phải trả nội bộ ngắn hạn | 316 | | - | - |
| 7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 317 | | - | - |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | | - | - |
| 9. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | V.18 | 417.516.000 | 417.516.000 |
| 10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | V.19a | 177.599.875.344 | 231.161.062.300 |
| 11. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 321 | | - | - |
| 12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | V.20 | 49.532.004 | 49.532.004 |
| 13. Quỹ bình ổn giá | 323 | | - | - |
| 14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 324 | | - | - |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 946.688.725 | 41.958.055.451 |
| 1. Phải trả người bán dài hạn | 331 | | - | - |
| 2. Người mua trả tiền trước dài hạn | 332 | | - | - |
| 3. Chi phí phải trả dài hạn | 333 | | - | - |
| 4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh | 334 | | - | - |
| 5. Phải trả nội bộ dài hạn | 335 | | - | - |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | 336 | | - | - |
| 7. Phải trả dài hạn khác | 337 | | - | - |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | V.19b | - | 40.244.437.000 |
| 9. Trái phiếu chuyển đổi | 339 | | - | - |
| 10. Cổ phiếu ưu đãi | 340 | | - | - |
| 11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 341 | | - | - |
| 12. Dự phòng phải trả dài hạn | 342 | V.21 | 946.688.725 | 1.713.618.451 |
| 13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 343 | | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| | | | | |
| D - VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 1.448.613.664 | 75.540.654.236 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | | 1.448.613.664 | 75.540.654.236 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | V.22a,b,c | 119.599.820.000 | 119.599.820.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 119.599.820.000 | 119.599.820.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | 411b | | - | - |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | - | - |
| 3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu | 413 | | - | - |
| 4. Vốn khác của chủ sở hữu | 414 | | - | - |
| 5. Cổ phiếu quỹ | 415 | | - | - |
| 6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 416 | | - | - |
| 7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 417 | | - | - |
| 8. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | V.22a | 37.281.400.080 | 37.281.400.080 |
| 9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp | 419 | | - | - |
| 10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 420 | | - | - |
| 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | V.22a | (155.432.606.416) | (81.340.565.844) |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a | | (81.280.815.136) | (81.340.565.844) |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này | 421b | | (74.151.791.280) | - |
| 12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản | 422 | | - | - |
| 13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát | 429 | | - | - |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | - | - |
| 1. Nguồn kinh phí | 431 | | - | - |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định | 432 | | - | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 193.295.506.127 | 353.037.088.201 |

Vĩnh Long, ngày 01 tháng 3 năm 2016



Phạm Thị Cẩm Nhung
Người lập biểu



Phan Ngọc Bình
Kế toán trưởng




Trần Thanh Hùng
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VINH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vinh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|--|-------|-------------|-------------------------|-------------------------|
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | VI.1 | 209.149.657.431 | 802.544.542.893 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | - | - |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | | 209.149.657.431 | 802.544.542.893 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | VI.2 | 202.598.540.678 | 786.329.694.806 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 6.551.116.753 | 16.214.848.087 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.3 | 1.713.033.489 | 33.118.238.873 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | VI.4 | 26.391.194.595 | 43.479.881.981 |
| Trong đó: chi phí lãi vay | 23 | | 24.033.576.981 | 32.380.933.851 |
| 8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết | 24 | V.2b | 5.120.009.774 | 5.016.263.426 |
| 9. Chi phí bán hàng | 25 | VI.5 | 11.419.339.484 | 25.890.795.473 |
| 10. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | VI.6 | 50.787.585.980 | 65.549.580.987 |
| 11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | (75.213.960.043) | (80.570.908.055) |
| 12. Thu nhập khác | 31 | VI.7 | 5.488.250.932 | 25.795.082.647 |
| 13. Chi phí khác | 32 | VI.8 | 4.165.357.630 | 4.812.527.957 |
| 14. Lợi nhuận khác | 40 | | 1.322.893.302 | 20.982.554.690 |
| 15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | (73.891.066.741) | (59.588.353.365) |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | V.15 | - | 3.782.136.938 |
| 17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 52 | VI.9 | 168.724.539 | 259.620.530 |
| 18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | <u>(74.059.791.280)</u> | <u>(63.630.110.833)</u> |
| 19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ | 61 | | <u>(74.059.791.280)</u> | <u>(63.630.110.833)</u> |
| 20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát | 62 | | <u>-</u> | <u>-</u> |
| 21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | VI.10a | <u>(6.192)</u> | <u>(5.320)</u> |
| 22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu | 71 | VI.10a | <u>(6.192)</u> | <u>(5.320)</u> |

Vinh Long, ngày 01 tháng 3 năm 2016


Phạm Thị Cẩm Nhung
Người lập biểu

Phan Ngọc Bình
Kế toán trưởngTrần Thanh Hùng
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Đơn vị tính: VND | |
|--|-----------|-------------|------------------------|------------------------|
| | | | Năm nay | Năm trước |
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | | (73.891.066.741) | (59.588.353.365) |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản: | | | | |
| - Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư | 02 | V9,10 | 10.852.403.479 | 15.891.396.856 |
| - Các khoản dự phòng | 03 | | 34.268.420.097 | 31.618.625.426 |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04 | V1.4 | 48.539.975 | 421.124.612 |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | | (6.489.346.785) | (32.794.805.209) |
| - Chi phí lãi vay | 06 | V1.4 | 24.033.576.981 | 32.380.933.851 |
| - Các khoản điều chỉnh khác | 07 | | - | - |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | | (11.177.472.994) | (12.071.077.829) |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | | 12.190.249.003 | 54.373.732.297 |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | | 5.231.037.203 | 141.747.097.095 |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả | 11 | | (1.253.990.335) | (31.816.501.965) |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | | 1.653.682.893 | 1.643.197.997 |
| - Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh | 13 | | - | - |
| - Tiền lãi vay đã trả | 14 | | (12.820.422.574) | (32.908.724.254) |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | V.15 | (1.036.151.892) | (5.079.666.528) |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | | - | 643.192.035 |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 17 | V.22a | (92.000.000) | (1.380.595.225) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | (7.305.068.696) | 115.150.653.623 |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 21 | | - | (1.951.382.000) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 22 | | 89.017.848.019 | 22.294.443.629 |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | | - | - |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | | - | - |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | | - | - |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | | - | - |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | | 6.607.649.470 | 20.037.010.035 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | 95.625.497.489 | 40.380.071.664 |

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VINH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vinh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số tiền (đồng) | |
|--|-----------|-------------|-------------------------|--------------------------|
| | | | Năm nay | Năm trước |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | | |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | 31 | | - | - |
| 2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32 | | - | - |
| 3. Tiền thu từ đi vay | 33 | VII.1 | 201.683.195.158 | 1.119.560.823.665 |
| 4. Tiền trả nợ gốc vay | 34 | VII.2 | (295.537.094.064) | (1.521.405.330.865) |
| 5. Tiền trả nợ gốc thuế tài chính | 35 | | - | - |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | | - | (9.520.769.600) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | | (93.853.898.906) | (411.365.276.800) |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm | 50 | | (5.533.470.113) | (255.834.551.513) |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | V.1 | 10.233.249.885 | 266.066.039.033 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | (265.025) | 1.762.365 |
| Tiền và tương đương tiền cuối năm | 70 | V.1 | 4.699.514.747 | 10.233.249.885 |

Vinh Long, ngày 01 tháng 3 năm 2016



Phạm Thị Cẩm Nhung
Người lập biểu



Phan Ngọc Bình
Kế toán trưởng



Trần Thanh Hùng
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần lương thực thực phẩm Vĩnh Long (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Bán buôn gạo; Bán buôn thực phẩm; Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp; Bán lẻ lương thực, thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Bán buôn tổng hợp; Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất

Trong năm, Công ty đã thực hiện việc chuyển nhượng bất động sản. Hoạt động chuyển nhượng này đã làm cho Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Công ty bị lỗ 3.902.925.882 VND.

6. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 01 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ.

6a. Thông tin về tái cấu trúc Tập đoàn

Trong năm, Tập đoàn không phát sinh việc mua thêm, thanh lý hay thoái vốn tại công ty con.

6b. Công ty con được hợp nhất

Công ty chỉ đầu tư vào công ty con là Công ty TNHH lương thực Kiên Nông có trụ sở chính tại Tổ 5, ấp Sur Nam, thị trấn Hòn Đất, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Hoạt động kinh doanh chính của công ty con này là sản xuất – thương mại. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty tại công ty con này là 100% (số đầu năm là 100%).

6c. Công ty liên kết được phân ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tập đoàn chỉ đầu tư vào công ty liên kết là Công ty TNHH thương mại Sài Gòn - Vĩnh Long có trụ sở chính tại số 26 đường 3/2, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long. Hoạt động kinh doanh chính của công ty liên kết này là kinh doanh theo hệ thống chuỗi siêu thị. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ phần sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty tại công ty liên kết này là 26,25% (số đầu năm là 26,25%).

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, khoản đầu tư vào Công ty TNHH thương mại Sài Gòn - Vĩnh Long (công ty liên kết của Công ty) được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu căn cứ trên Báo cáo tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty liên kết.

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Tập đoàn áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”. Một số số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 không so sánh được với số liệu tương ứng cùng kỳ năm trước do áp dụng các Thông tư này trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Các quy định có thay đổi ảnh hưởng đến số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn như sau:

Tỷ giá áp dụng để hạch toán các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ và đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ.

8. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Tập đoàn có 77 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (số đầu năm là 179 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như Thông tư số 202/2014/TT-BTC thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”. Các Thông tư này có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực kế toán, các Thông tư này và các Thông tư khác hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các Thông tư khác hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.



CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tập đoàn và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Vĩnh Long (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Vĩnh Long (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Tập đoàn có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ

BTS
NHÀ
TY
INVA
&
CÁN
NG-T

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Cổ phiếu hoán đổi được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi. Giá trị hợp lý của cổ phiếu được xác định như sau:

- Đối với cổ phiếu của công ty niêm yết, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa niêm yết trên thị trường chứng khoán tại ngày trao đổi. Trường hợp tại ngày trao đổi thị trường chứng khoán không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày trao đổi.
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá giao dịch đóng cửa trên sàn UPCOM tại ngày trao đổi. Trường hợp ngày trao đổi sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày trao đổi.
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết khác, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá do các bên thỏa thuận theo hợp đồng hoặc giá trị sổ sách tại thời điểm trao đổi.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM là giá đóng cửa tại ngày kết thúc năm tài chính. Trường hợp tại ngày kết thúc năm tài chính thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc năm tài chính.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.



CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.

Giá gốc của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 36 tháng.

9. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phân ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u> | <u>Số năm Năm nay</u> |
|---------------------------------|-----------------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 10 – 25 |
| Máy móc và thiết bị | 07 – 12 |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 07 – 10 |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 08 |

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,....Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 39 - 50 năm, quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 08 năm.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

14. Các khoản dự phòng phải trả

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Tập đoàn phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động làm việc thường xuyên tại Tập đoàn từ đủ 12 tháng trở lên đối với thời gian không tham gia đóng bảo hiểm thất nghiệp khi họ chấm dứt hợp đồng lao động. Dự phòng trợ cấp thôi việc được trích lập với mức bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) bình quân của sáu tháng liền kề gần nhất tính đến thời điểm lập Báo cáo tài chính cho 1 năm làm việc.

Tăng, giảm số dư dự phòng trợ cấp thôi việc cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

15. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

16. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

17. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Tập đoàn đã không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu gia công

Doanh thu đối với hoạt động nhận gia công vật tư, hàng hoá là số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hoá nhận gia công.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

18. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

19. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chi ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.



CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

23. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Tập đoàn gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Tập đoàn sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Tập đoàn:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|-----------------------------|------------------------------|
| Tiền mặt | 160.685.500 | 185.981.500 |
| Tiền gửi ngân hàng | 1.238.829.247 | 8.485.608.385 |
| Tiền đang chuyển | - | 711.660.000 |
| Các khoản tương đương tiền | 3.300.000.000 | 850.000.000 |
| - Tiền gửi có kỳ hạn từ 03 tháng trở xuống | 3.300.000.000 | 850.000.000 |
| Cộng | <u>4.699.514.747</u> | <u>10.233.249.885</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn bao gồm chứng khoán kinh doanh, đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn như sau:

2a. Chứng khoán kinh doanh

| | Số cuối năm | | | Số đầu năm | | |
|--------------------------------------|-------------------|------------------|---------------------|-------------------|------------------|--------------------|
| | Giá gốc | Giá trị hợp lý | Dự phòng | Giá gốc | Giá trị hợp lý | Dự phòng |
| Cổ phiếu | 11.250.882 | 1.240.500 | (10.010.382) | 11.250.882 | 1.472.100 | (9.778.782) |
| Công ty cổ phần chứng khoán Bảo Việt | 8.162.500 | 714.000 | (7.448.500) | 8.162.500 | 816.000 | (7.346.500) |
| Ngân hàng TMCP Sài Gòn-Hà Nội | 3.088.382 | 526.500 | (2.561.882) | 3.088.382 | 656.100 | (2.432.282) |
| Cộng | 11.250.882 | 1.240.500 | (10.010.382) | 11.250.882 | 1.472.100 | (9.778.782) |

Tình hình biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|--------------------|-------------------|------------------|
| Số đầu năm | 9.778.782 | 9.778.782 |
| Trích lập bổ sung | 231.600 | - |
| Số cuối năm | 10.010.382 | 9.778.782 |

2b. Đầu tư vào công ty liên kết

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Giá gốc | 5.250.000.000 | 5.250.000.000 |
| Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư | 5.736.263.058 | 6.965.360.491 |
| Cộng | 10.986.263.058 | 12.215.360.491 |

| | Năm nay | Năm trước |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Số đầu năm | 12.215.360.491 | 10.673.340.676 |
| Lợi nhuận được chia | (6.408.857.915) | (3.203.807.926) |
| Phần lãi trong công ty liên kết | 5.120.009.774 | 5.016.263.426 |
| Điều chỉnh tăng lợi nhuận năm trước theo phương pháp vốn chủ sở hữu | 59.750.708 | (270.435.685) |
| Số cuối năm | 10.986.263.058 | 12.215.360.491 |

Tình hình hoạt động của công ty liên kết

Công ty TNHH thương mại Sài Gòn – Vĩnh Long hiện đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Giao dịch với công ty liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Tập đoàn với công ty liên kết như sau:

Trong năm, Tập đoàn phát sinh giao dịch nhận lợi nhuận từ Công ty TNHH thương mại Sài Gòn – Vĩnh Long là công ty liên kết với số tiền là 6.408.857.915 VND (cùng kỳ năm trước là 3.203.807.926 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**2c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

| | Số cuối năm | | | Số đầu năm | | |
|--|-----------------------|------------------------|-----------------------|-----------------------|------------------------|-----------------------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá trị hợp lý | Giá gốc | Dự phòng | Giá trị hợp lý |
| Công ty cổ phần bia Sài Gòn-Vĩnh Long | 1.500.000.000 | | - 1.500.000.000 | 1.500.000.000 | | - 1.500.000.000 |
| Công ty cổ phần du lịch Sài Gòn-Ninh Chữ | 5.000.000.000 | (955.564.691) | 4.044.435.309 | 5.000.000.000 | (937.585.888) | 4.062.414.112 |
| Công ty cổ phần nông nghiệp Tam Nông | 5.000.000.000 | (272.054.114) | 4.727.945.886 | 5.000.000.000 | (272.054.114) | 4.727.945.886 |
| Cộng | 11.500.000.000 | (1.227.618.805) | 10.272.381.195 | 11.500.000.000 | (1.209.640.002) | 10.290.359.998 |

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|----------------------------|------------------------|------------------------|
| Số đầu năm | (1.209.640.002) | (1.278.743.934) |
| Trích lập dự phòng bổ sung | (17.978.803) | - |
| Hoàn nhập dự phòng | - | 69.103.932 |
| Số cuối năm | (1.227.618.805) | (1.209.640.002) |

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|------------------------|------------------------|
| Phải thu các bên liên quan | 98.570.404.619 | 106.486.862.569 |
| Công ty cổ phần Docimexco | 98.328.564.251 | 105.665.064.251 |
| Công ty TNHH một thành viên – Tổng công ty lương thực Miền Nam | 241.840.368 | 821.798.318 |
| Phải thu các khách hàng khác | 21.859.973.631 | 25.435.895.754 |
| Các khách hàng khác | 21.859.973.631 | 25.435.895.754 |
| Cộng | 120.430.378.250 | 131.922.758.323 |

Một số khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng tại ngày 31/12/2015 có giá trị 98.328.564.251 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Vĩnh Long và một số khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng tại ngày 31/12/2015 có giá trị 18.648.568.040 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Tiền Giang.

Một số khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng tại 31/12/2015 có giá trị 108.371.269.195 VND Công ty đã nộp đơn khởi kiện và đã có quyết định xử lý của Tòa án và một số khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng tại 31/12/2015 có giá trị 11.169.167.006 VND Công ty đang tiến hành khởi kiện.

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-------------------------------------|----------------------|----------------------|
| <i>Trả trước cho người bán khác</i> | 5.101.595.890 | 6.131.652.873 |
| Doanh nghiệp tư nhân Khánh Hưng | 5.009.287.000 | 6.050.000.000 |
| Các nhà cung cấp khác | 92.308.890 | 81.652.873 |
| Cộng | 5.101.595.890 | 6.131.652.873 |

5. Phải thu ngắn hạn khác

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|--|-----------------------|----------|-----------------------|----------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| <i>Phải thu các tổ chức và cá nhân</i> | | | | |
| - Cục thuế Vĩnh Long – thuế TNDN bị truy thu (*) | 31.347.563.097 | - | 31.347.563.097 | - |
| - Tạm ứng nhân viên | 118.114.394 | - | 301.347.282 | - |
| - Các khoản phải thu ngắn hạn khác | 2.737.677.447 | - | 3.119.585.452 | - |
| Cộng | 34.203.354.938 | - | 34.768.495.831 | - |

(*) Tập đoàn được yêu cầu phải nộp và đã tạm nộp thêm một khoản thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) là 31.347.563.097 VND cho các năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2007 và 31/12/2008 theo Quyết định số 213/QĐ-CT ngày 22/6/2010 và Quyết định số 46/QĐ-CT ngày 28/01/2011 của Cục thuế tỉnh Vĩnh Long, Quyết định số 979/QĐ-TCCT ngày 13/7/2011 của Tổng cục thuế. Tuy nhiên, Tập đoàn không chấp nhận số thuế phải nộp này và đã tiến hành gửi đơn kiện Cục thuế tỉnh Vĩnh Long lên Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long để xác định lại số thuế TNDN phải nộp. Theo bản án sơ thẩm số 07/2013/HCST ngày 24/9/2013, Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long ra quyết định hủy số thuế TNDN truy thu năm 2007 và 2008 theo Quyết định giải quyết khiếu nại số 46/QĐ-CT ngày 28/01/2011 và Quyết định xử phạt vi phạm pháp luật về thuế số 213/QĐ-CT ngày 22/6/2010 của Cục trưởng Cục thuế tỉnh Vĩnh Long. Không đồng ý với quyết định của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long, Cục thuế tỉnh Vĩnh Long đã gửi đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân Tối cao. Đến thời điểm lập Báo cáo tài chính này, vụ kiện chưa được hoàn tất nên Tập đoàn vẫn đang ghi nhận khoản thuế TNDN tạm nộp như một khoản phải thu khác trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

6. Nợ xấu

| | Thời gian quá hạn | Số cuối năm | | Thời gian quá hạn | Số đầu năm | |
|--------------------------------------|---------------------------|----------------|------------------------|---------------------------|----------------|------------------------|
| | | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi | | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi |
| <i>Các bên liên quan</i> | | | | | | |
| Công ty CP Docimexco ⁽¹⁾ | Dưới 01 năm | - | - | Dưới 01 năm | 95.332.624.679 | 63.633.105.404 |
| | Từ 02 năm đến dưới 03 năm | 87.996.124.679 | 26.398.837.404 | Từ 02 năm đến dưới 03 năm | - | - |
| <i>Các tổ chức và cá nhân khác</i> | | | | | | |
| Phải thu các tổ chức và cá nhân khác | Dưới 01 năm | - | - | Dưới 01 năm | 12.377.730.738 | 8.664.411.516 |
| | | 27.063.447.721 | 9.465.433.257 | | 31.014.749.765 | 16.797.623.843 |

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

| Thời gian quá hạn | Số cuối năm | | Thời gian quá hạn | Số đầu năm | |
|---------------------------------|------------------------|---------------------------|---------------------------------|------------------------|---------------------------|
| | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi | | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi |
| Từ 01 năm đến dưới 02 năm | 10.287.886.269 | 5.143.943.133 | Từ 01 năm đến dưới 02 năm | 16.266.424.655 | 8.133.212.327 |
| Từ 02 năm đến dưới 03 năm | 14.404.967.080 | 4.321.490.124 | Từ 02 năm đến dưới 03 năm | - | - |
| Trên 03 năm | 2.155.825.972 | - | Trên 03 năm | 2.370.594.372 | - |
| Cộng | 114.844.804.000 | 35.864.270.661 | | 126.347.374.444 | 80.430.729.247 |

- (i) Khoản phải thu Công ty cổ phần Docimexco ngoài khoản tiền gốc 87.996.124.679 VND còn phải thu, thì còn khoản tiền phải thu về lãi chậm trả là 10.332.439.572 VND. Do đó, tổng số tiền còn phải thu của Công ty cổ phần Docimexco trên sổ sách kế toán của Tập đoàn là 98.328.564.251 VND.

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

| | Nợ phải thu ngắn hạn |
|----------------------------|---------------------------------|
| Số đầu năm | (45.916.645.197) |
| Trích lập dự phòng bổ sung | (38.314.681.733) |
| Hoàn nhập dự phòng | 5.250.793.591 |
| Số cuối năm | (78.980.533.339) |

7. Hàng tồn kho

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|---|----------------------|------------------------|----------------------|----------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Nguyên liệu, vật liệu | 177.760.104 | - | 813.070.758 | - |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | - | - | 634.242.690 | - |
| Thành phẩm | 3.548.325.511 | (1.953.251.278) | 5.677.983.092 | - |
| Hàng hóa | 96.479.885 | - | 1.928.306.163 | - |
| Cộng | 3.822.565.500 | (1.953.251.278) | 9.053.602.703 | - |

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|--------------------|------------------------|------------------|
| Số đầu năm | - | - |
| Trích lập dự phòng | (1.953.251.278) | - |
| Số cuối năm | (1.953.251.278) | - |

8. Chi phí trả trước**8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-------------------------------------|--------------------|--------------------|
| Chi phí công cụ, dụng cụ | 94.000.000 | 87.138.023 |
| Chi phí lãi vay trả trước ngân hàng | - | 311.855.556 |
| Cộng | 94.000.000 | 398.993.579 |

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

8b. Chi phí trả trước dài hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--------------------------------------|---------------------------|-----------------------------|
| Chi phí công cụ, dụng cụ | 100.732.794 | 508.324.533 |
| Chi phí thuê đất | 137.083.336 | 195.833.335 |
| Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định | 62.096.571 | 894.301.180 |
| Các chi phí trả trước dài hạn khác | 110.300.188 | 160.443.155 |
| Cộng | <u>410.212.889</u> | <u>1.758.902.203</u> |

9. Tài sản cố định hữu hình

| | <u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u> | <u>Máy móc và thiết bị</u> | <u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u> | <u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u> | <u>Cộng</u> |
|---|-----------------------------------|--------------------------------|--|--------------------------------------|-------------------------------|
| Nguyên giá | | | | | |
| Số đầu năm | 102.969.935.163 | 94.937.314.369 | 7.201.440.866 | 392.809.169 | 205.501.499.567 |
| Thanh lý, nhượng bán | (42.092.005.196) | (37.303.307.691) | (3.060.395.457) | (85.158.000) | (82.540.866.344) |
| Bản giao cho ngân hàng | (483.025.300) | - | - | - | (483.025.300) |
| Số cuối năm | <u>60.394.904.667</u> | <u>57.634.006.678</u> | <u>4.141.045.409</u> | <u>307.651.169</u> | <u>122.477.607.923</u> |
| <i>Trong đó:</i> | | | | | |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | 3.030.672.044 | 7.283.852.947 | 1.317.653.174 | 216.259.940 | 11.848.438.105 |
| Giá trị hao mòn | | | | | |
| Số đầu năm | 29.303.907.857 | 42.312.825.165 | 3.476.207.226 | 377.641.978 | 75.470.582.226 |
| Khấu hao trong năm | 3.748.174.112 | 6.276.033.819 | 541.069.389 | 11.423.904 | 10.576.701.224 |
| Thanh lý, nhượng bán | (7.074.847.014) | (11.350.322.496) | (1.441.958.206) | (85.158.000) | (19.952.285.716) |
| Bản giao cho ngân hàng | (357.396.356) | - | - | - | (357.396.356) |
| Số cuối năm | <u>25.619.838.599</u> | <u>37.238.536.488</u> | <u>2.575.318.409</u> | <u>303.907.882</u> | <u>65.737.601.378</u> |
| Giá trị còn lại | | | | | |
| Số đầu năm | 73.666.027.306 | 52.624.489.204 | 3.725.233.640 | 15.167.191 | 130.030.917.341 |
| Số cuối năm | <u>34.775.066.068</u> | <u>20.395.470.190</u> | <u>1.565.727.000</u> | <u>3.743.287</u> | <u>56.740.006.545</u> |

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách tại ngày 31/12/2015 là 39.528.527.188 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các Ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**10. Tài sản cố định vô hình**

| | Quyền sử dụng đất | Chương trình phần mềm | Cộng |
|---------------------------------------|------------------------------|----------------------------------|-----------------------|
| Nguyên giá | | | |
| Số đầu năm | 45.702.223.178 | 92.562.000 | 45.794.785.178 |
| Thanh lý, nhượng bán | (23.484.778.884) | - | (23.484.778.884) |
| Bản giao cho ngân hàng | (2.701.800.000) | - | (2.701.800.000) |
| Số cuối năm | 19.515.644.294 | 92.562.000 | 19.608.206.294 |
| <i>Trong đó:</i> | | | |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | - | 92.562.000 | 92.562.000 |
| Giá trị hao mòn | | | |
| Số đầu năm | 1.199.844.010 | 92.562.000 | 1.292.406.010 |
| Khấu hao trong năm | 275.702.255 | - | 275.702.255 |
| Thanh lý, nhượng bán | (1.053.485.893) | - | (1.053.485.893) |
| Số cuối năm | 422.060.372 | 92.562.000 | 514.622.372 |
| Giá trị còn lại | | | |
| Số đầu năm | 44.502.379.168 | - | 44.502.379.168 |
| Số cuối năm | 19.093.583.922 | - | 19.093.583.922 |

Một số tài sản cố định vô hình có giá trị còn lại theo sổ sách tại ngày 31/12/2015 là 14.024.724.286 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các Ngân hàng.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

| | Số đầu năm | Phát sinh tăng trong năm | Kết chuyển vào TSCĐ trong năm | Số cuối năm |
|---|--------------------|---|--|------------------------|
| XDCB dở dang | 823.614.676 | - | - | 823.614.676 |
| - Công trình nhà máy xay sát, hệ thống sấy và lau bóng gạo | 823.614.676 | - | - | 823.614.676 |
| Cộng | 823.614.676 | - | - | 823.614.676 |

12. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**12a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã ghi nhận**

| | Số đầu năm | Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm | Ghi nhận vào vốn chủ sở hữu trong năm | Số cuối năm |
|--|----------------------|--|--|----------------------|
| Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ | 376.996.059 | (168.724.539) | - | 208.271.520 |
| Trợ cấp thôi việc | 376.996.059 | (168.724.539) | - | 208.271.520 |
| Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến lỗ tính thuế chưa sử dụng | 5.898.377.630 | - | - | 5.898.377.630 |
| Cộng | 6.275.373.689 | (168.724.539) | - | 6.106.649.150 |

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 22% (năm trước thuế suất là 22%).

12b. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Tập đoàn chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho khoản lỗ tính thuế năm 2014 và năm 2015 với số tiền là 160.448.899.954 VND.

Theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, khoản lỗ của bất kỳ năm tính thuế nào được chuyển sang bù trừ vào thu nhập trong thời gian tối đa không quá 05 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh lỗ và chênh lệch tạm thời có thể được khấu trừ không bị giới hạn về thời gian. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận cho những khoản này vì ít có khả năng có thu nhập chịu thuế trong tương lai để sử dụng những lợi ích đó.

13. Phải trả người bán

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---------------------------------------|----------------|-------------------|
| <i>Phải trả các bên liên quan</i> | - | - |
| <i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i> | 295.000 | 10.282.458 |
| Các nhà cung cấp khác | 295.000 | 10.282.458 |
| Cộng | 295.000 | 10.282.458 |

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|-------------------|--------------------|
| <i>Trả trước của bên liên quan</i> | - | - |
| <i>Trả trước của các khách hàng khác</i> | 64.700.000 | 681.637.500 |
| Ông Võ Văn Thi | 64.700.000 | - |
| Công ty TNHH một thành viên Thăng Thăng Phát | - | 233.900.000 |
| SHENZHEN LIANYIMIYE LIMITED | - | 447.737.500 |
| Cộng | 64.700.000 | 681.637.500 |

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

| | Số đầu năm | | Số phát sinh trong năm | | Số cuối năm | |
|-----------------------------|-------------------|------------------|------------------------|------------------------|--------------------|----------------------|
| | Phải nộp | Phải thu | Số phải nộp | Số đã thực nộp | Phải nộp | Phải thu |
| Thuế GTGT hàng bán nội địa | 30.283.626 | 2.995.395 | 4.322.228.432 | (4.219.648.283) | 132.863.775 | - |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | - | - | - | (1.036.151.892) | - | 1.036.151.892 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 13.303.620 | - | 117.437.041 | (118.524.139) | 12.216.522 | - |
| Thuế nhà đất, tiền thuê đất | - | 2.521.044 | 260.175.885 | (257.654.841) | - | - |
| Các loại thuế khác | - | - | 296.859.471 | (26.716.906) | 270.142.565 | - |
| Cộng | 43.587.246 | 5.516.439 | 4.996.700.829 | (5.658.696.061) | 415.222.862 | 1.036.151.892 |

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thuế giá trị gia tăng

Các công ty trong Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

| | |
|--|-----|
| - Hàng xuất khẩu | 0% |
| - Gạo, tấm | 5% |
| - Kinh doanh các mặt hàng siêu thị, thanh lý tài sản | 10% |

Thuế xuất, nhập khẩu

Các công ty trong Tập đoàn kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Các công ty trong Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 22%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|------------------|----------------------|
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | (73.891.066.741) | (59.588.353.365) |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp: | | |
| - Các khoản điều chỉnh tăng | 1.114.071.924 | 9.678.140.589 |
| - Các khoản điều chỉnh giảm | (12.445.804.915) | (8.124.355.908) |
| Thu nhập chịu thuế | (85.222.799.732) | (58.034.568.684) |
| <i>Thu nhập chịu thuế của hoạt động kinh doanh chính</i> | (81.319.873.850) | (75.226.100.222) |
| <i>Thu nhập chịu thuế của hoạt động kinh doanh bất động sản</i> | (3.902.925.882) | 17.191.531.538 |
| Thu nhập được miễn thuế | - | - |
| Lỗi các năm trước được chuyển | - | - |
| Thu nhập tính thuế | (85.222.799.732) | (58.034.568.684) |
| <i>Thu nhập tính thuế của hoạt động kinh doanh chính</i> | (81.319.873.850) | (75.226.100.222) |
| <i>Thu nhập tính thuế của hoạt động kinh doanh bất động sản</i> | (3.902.925.882) | 17.191.531.538 |
| Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp | 22% | 22% |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho hoạt động chuyển nhượng bất động sản | - | 3.782.136.938 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp | - | 3.782.136.938 |

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn được căn cứ vào các qui định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những qui định này thay đổi theo từng thời kỳ và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Theo Luật số 32/2013/QH13 về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII kỳ họp thứ 05 thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2013, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông giảm từ 22% xuống còn 20% từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tiền thuê đất

Tập đoàn phải nộp tiền thuê đất đối với diện tích 18.301,5 m² đất đang sử dụng tại tỉnh Vĩnh Long và 7.125 m² tại thành phố Cần Thơ với mức tiền thuê theo thông báo nộp tiền thuê đất hàng năm của cơ quan thuế.

Thuế nhà đất

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Tập đoàn kê khai và nộp theo qui định.

16. Phải trả người lao động

Là tiền lương còn phải trả người lao động.

17. Chi phí phải trả ngắn hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|-----------------------|--------------------|
| <i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i> | <i>11.494.942.528</i> | <i>281.788.121</i> |
| Chi phí lãi vay phải trả | 11.494.942.528 | 281.788.121 |
| Cộng | 11.494.942.528 | 281.788.121 |

18. Phải trả ngắn hạn khác

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|--------------------|--------------------|
| <i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i> | <i>417.516.000</i> | <i>417.516.000</i> |
| Cổ tức phải trả | 369.516.000 | 369.516.000 |
| Các khoản phải trả ngắn hạn khác | 48.000.000 | 48.000.000 |
| Cộng | 417.516.000 | 417.516.000 |

19. Vay và nợ thuê tài chính

19a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|------------------------|------------------------|
| <i>Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i> | | |
| Vay ngắn hạn ngân hàng | 177.599.875.344 | 225.161.062.300 |
| <i>Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Long⁽¹⁾</i> | <i>48.700.000.000</i> | <i>55.630.000.000</i> |
| <i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Long⁽²⁾</i> | <i>84.741.454.000</i> | <i>93.093.756.900</i> |
| <i>Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh - Chi nhánh An Giang⁽³⁾</i> | <i>25.000.000.000</i> | <i>53.900.000.000</i> |
| <i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cửu Long⁽⁴⁾</i> | <i>4.979.296.244</i> | <i>4.660.000.000</i> |
| <i>Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Tiền Giang⁽⁵⁾</i> | <i>14.179.125.100</i> | <i>17.877.305.400</i> |
| Vay dài hạn đến hạn trả | - | 6.000.000.000 |
| Cộng | 177.599.875.344 | 231.161.062.300 |

Tập đoàn chưa đánh giá được khả năng thanh toán các khoản nợ vay của các ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Long để bổ sung vốn lưu động với lãi suất 7%/năm, thời hạn vay 04 - 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản cố định (xem thuyết minh số V.9 và V.10).
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Long để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần nhận nợ, thời hạn vay từ 02 - 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp khoản công nợ phải thu ngắn hạn của khách hàng (xem thuyết minh số V.3).
- (iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh - Chi nhánh An Giang để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần nhận nợ, thời hạn vay 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản cố định (xem thuyết minh V.9 và V.10).
- (iv) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cửu Long để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần nhận nợ, thời hạn vay 04 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản cố định (xem thuyết minh số V.9 và V.10).
- (v) Khoản vay Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Tiền Giang để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần nhận nợ, thời hạn vay 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản cố định (xem thuyết minh số V.9 và V.10) và thế chấp khoản công nợ phải thu ngắn hạn của khách hàng (xem thuyết minh số V.3).

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

| | Số đầu năm | Số tiền vay phát sinh trong năm | Chênh lệch tỷ giá cuối năm | Số tiền vay đã trả trong năm | Số cuối năm |
|-------------------------|------------------------|---------------------------------|----------------------------|------------------------------|------------------------|
| Vay ngắn hạn ngân hàng | 225.161.062.300 | 201.683.195.158 | 48.274.950 | (249.292.657.064) | 177.599.875.344 |
| Vay dài hạn đến hạn trả | 6.000.000.000 | - | - | (6.000.000.000) | - |
| Cộng | 231.161.062.300 | 201.683.195.158 | 48.274.950 | (255.292.657.064) | 177.599.875.344 |

19b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|--|-------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| <i>Vay dài hạn phải trả các tổ chức khác</i> | - | - | 40.244.437.000 | 40.244.437.000 |
| Vay dài hạn ngân hàng | - | - | 40.244.437.000 | 40.244.437.000 |
| Vay Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Vĩnh Long ⁽ⁱ⁾ | - | - | 40.244.437.000 | 40.244.437.000 |
| Cộng | - | - | 40.244.437.000 | 40.244.437.000 |

Chi tiết số phát sinh về khoản vay dài hạn trong năm như sau:

| | |
|--------------------|------------------|
| Số đầu năm | 40.244.437.000 |
| Số tiền vay đã trả | (40.244.437.000) |
| Số cuối năm | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**19c. Vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán**

| | Số cuối năm | | | Số đầu năm | | |
|---|------------------------|-----------------------|------------------------|------------------------|--------------------|------------------------|
| | Gốc | Lãi | Cộng | Gốc | Lãi | Cộng |
| Vay | | | | 129.875.499.300 | 164.303.677 | 130.039.802.977 |
| Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Tiền Giang (*) | 14.179.125.100 | 11.028.209 | 14.190.153.309 | 17.877.305.400 | 13.904.571 | 17.891.209.971 |
| Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Long (**) | 84.741.454.000 | 5.424.584.569 | 90.166.038.569 | 93.093.756.900 | 123.932.818 | 93.217.689.718 |
| Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cửu Long (**) | 4.979.296.244 | 11.618.358 | 4.990.914.602 | 4.660.000.000 | 9.320.000 | 4.669.320.000 |
| Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Vĩnh Long (**) | - | - | - | 14.244.437.000 | 17.146.288 | 14.261.583.288 |
| Ngân hàng TMCP Phát triển TP. HCM - Chi nhánh An Giang (**) | 25.000.000.000 | 3.143.439.072 | 28.143.439.072 | - | - | - |
| Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Long (**) | 48.700.000.000 | 2.904.272.320 | 51.604.272.320 | - | - | - |
| Cộng | 177.599.875.344 | 11.494.942.528 | 189.094.817.872 | 129.875.499.300 | 164.303.677 | 130.039.802.977 |

(*) Khoản vay này đã được gia hạn nợ.

(**) Khoản vay này chưa được thanh toán do Tập đoàn đang gặp khó khăn về tài chính nên chưa có luồng tiền để thanh toán.

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-----------------------------------|-------------------|-------------------|
| Quỹ khen thưởng | 690.000 | 690.000 |
| Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành | 48.842.004 | 48.842.004 |
| Cộng | 49.532.004 | 49.532.004 |

21. Dự phòng phải trả dài hạn

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--------------------------------|--------------------|----------------------|
| Trợ cấp thôi việc còn phải trả | 946.688.725 | 1.713.618.451 |
| Cộng | 946.688.725 | 1.713.618.451 |

22. Vốn chủ sở hữu**22a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

| | Vốn đầu tư của chủ sở hữu | Quỹ đầu tư phát triển | Quỹ dự phòng tài chính | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Cộng |
|-------------------------------|---------------------------|-----------------------|------------------------|-----------------------------------|-----------------------|
| Số dư đầu năm trước | 119.599.820.000 | 32.013.194.783 | 5.268.205.297 | (17.164.019.326) | 139.717.200.754 |
| Lợi nhuận trong năm trước | - | - | - | (63.630.110.833) | (63.630.110.833) |
| Thù lao HĐQT và Ban kiểm soát | - | - | - | (276.000.000) | (276.000.000) |
| Giảm khác | - | - | - | (270.435.685) | (270.435.685) |
| Số dư cuối năm trước | 119.599.820.000 | 32.013.194.783 | 5.268.205.297 | (81.340.565.844) | 75.540.654.236 |

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

| | Vốn đầu tư của chủ sở hữu | Quỹ đầu tư phát triển | Quỹ dự phòng tài chính | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Cộng |
|--|---------------------------------|--------------------------|------------------------------|---|----------------------|
| Số dư đầu năm nay | 119.599.820.000 | 37.281.400.080 | - | (81.340.565.844) | 75.540.654.236 |
| Lợi nhuận trong năm nay | - | - | - | (74.059.791.280) | (74.059.791.280) |
| Thủ lao HĐQT và Ban kiểm soát | - | - | - | (92.000.000) | (92.000.000) |
| Điều chỉnh tăng lợi nhuận từ công ty liên kết theo phương pháp vốn chủ sở hữu | - | - | - | 59.750.708 | 59.750.708 |
| Số dư cuối năm nay | 119.599.820.000 | 37.281.400.080 | - | (155.432.606.416) | 1.448.613.664 |

22b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------------------|------------------------|
| Công ty TNHH một thành viên - Tổng công ty Lương thực Miền Nam | 47.840.000.000 | 47.840.000.000 |
| Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Nguyễn Kim | 27.928.640.000 | 27.928.640.000 |
| Các cổ đông khác | 43.831.180.000 | 43.831.180.000 |
| Cộng | 119.599.820.000 | 119.599.820.000 |

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

| | Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp | | Vốn điều lệ đã góp (VND) | Vốn điều lệ còn phải góp (VND) |
|--|--|---------------|-----------------------------|--------------------------------------|
| | VND | Tỷ lệ (%) | | |
| Tổng công ty lương thực Miền Nam | 47.840.000.000 | 40,00 | 47.840.000.000 | - |
| Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Nguyễn Kim | 27.928.640.000 | 23,35 | 27.928.640.000 | - |
| Các cổ đông khác | 43.831.180.000 | 36,65 | 43.831.180.000 | - |
| Cộng | 119.599.820.000 | 100,00 | 119.599.820.000 | - |

22c. Cổ phiếu

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|-------------|------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 11.959.982 | 11.959.982 |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 11.959.982 | 11.959.982 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 11.959.982 | 11.959.982 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 11.959.982 | 11.959.982 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 11.959.982 | 11.959.982 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

23. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

23a. Tài sản thuê ngoài

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản không thể hủy ngang theo các thời hạn như sau:

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Từ 01 năm trở xuống | 296.849.389 | 384.451.639 |
| Trên 01 năm đến 05 năm | 1.187.397.556 | 1.537.806.554 |
| Trên 05 năm | 8.747.959.286 | 11.889.610.071 |
| Cộng | 10.232.206.231 | 13.811.868.264 |

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động ở trên là tổng số tiền thuê 16.325,70 m² đất đang sử dụng tại tỉnh Vĩnh Long và 7.125 m² tại thành phố Cần Thơ với mức tiền thuê theo thông báo nộp tiền thuê đất hàng năm của cơ quan thuế.

23b. Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tiền bao gồm 20.124,38 USD (số đầu năm là 28.608,39 USD).

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

| | Năm nay | Năm trước |
|------------------------------------|------------------------|------------------------|
| Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa | 207.476.299.793 | 801.858.594.216 |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ | 1.673.357.638 | 685.948.677 |
| Cộng | 209.149.657.431 | 802.544.542.893 |

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho công ty liên kết. Giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty liên kết như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|--|----------------|----------------|
| Công ty TNHH một thành viên – Tổng công ty lương thực Miền Nam | 45.412.936.860 | 76.662.445.178 |
| Doanh thu xuất khẩu ùy thác gạo | 45.412.936.860 | 76.662.445.178 |
| Công ty lương thực thực phẩm An Giang | 101.503.600 | - |
| Doanh thu bán thành phẩm (bao bì) | 101.503.600 | - |
| Công ty lương thực Sóc Trăng | 71.194.200 | - |
| Doanh thu bán thành phẩm (bao bì) | 71.194.200 | - |
| Công ty lương thực Bến Tre | 16.143.995.000 | 25.262.541.750 |
| Doanh thu bán hàng hóa (gạo, nếp) | 16.143.995.000 | 25.262.541.750 |
| Công ty lương thực Long An | - | 14.400.000.000 |
| Doanh thu bán hàng hóa (nếp) | - | 14.400.000.000 |
| Công ty lương thực Bạc Liêu | - | 4.028.622.500 |
| Doanh thu bán hàng hóa (gạo) | - | 4.028.622.500 |
| Công ty lương thực Đồng Tháp | - | 17.151.267.500 |
| Doanh thu bán hàng hóa (tám) | - | 17.151.267.500 |

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|-------------------------------|-------------------------------|
| Công ty lương thực Trà Vinh | - | 39.726.000 |
| <i>Doanh thu bán thành phẩm (Mang trắng)</i> | - | 39.726.000 |
| Công ty lương thực Vĩnh Long | 101.604.800 | 46.230.000 |
| <i>Doanh thu bán thành phẩm (bao bì)</i> | 101.604.800 | 46.230.000 |
| Công ty lương thực Sông Hậu | - | 11.639.700.000 |
| <i>Doanh thu bán hàng hóa (gạo)</i> | - | 11.639.700.000 |
| Công ty TNHH một thành viên lương thực TP.Hồ Chí Minh | - | 261.000.000 |
| <i>Doanh thu bán hàng hóa (tôm)</i> | - | 261.000.000 |
| Công ty cổ phần xuất nhập khẩu nông sản thực phẩm Cà Mau | - | 54.332.500 |
| <i>Doanh thu bán thành phẩm (bao bì)</i> | - | 54.332.500 |
| 2. Giá vốn hàng bán | | |
| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
| Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm đã bán | 200.645.289.400 | 789.289.788.855 |
| Dự phòng/(Hoàn nhập) giảm giá hàng tồn kho | 1.953.251.278 | (2.960.094.049) |
| Cộng | <u>202.598.540.678</u> | <u>786.329.694.806</u> |
| 3. Doanh thu hoạt động tài chính | | |
| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
| Lãi tiền gửi có kỳ hạn | 48.784.055 | 15.565.198.415 |
| Lãi tiền gửi không kỳ hạn | 74.286.280 | 104.223.511 |
| Cổ tức, lợi nhuận được chia | 150.007.500 | 275.670.696 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh | 1.138.700.123 | 10.305.759.295 |
| Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán | 301.255.531 | 6.867.386.956 |
| Cộng | <u>1.713.033.489</u> | <u>33.118.238.873</u> |
| 4. Chi phí tài chính | | |
| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
| Chi phí lãi vay | 24.033.576.981 | 32.380.933.851 |
| Chiết khấu thanh toán cho người mua | - | 162.453.060 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh | 2.245.204.932 | 8.900.905.412 |
| Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn | - | 6.809.851.418 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 48.539.975 | 421.124.612 |
| Dự phòng/(Hoàn nhập) giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư | 27.101.866 | (5.198.772.950) |
| Chi phí tài chính khác | 36.770.841 | 3.386.578 |
| Cộng | <u>26.391.194.595</u> | <u>43.479.881.981</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**5. Chi phí bán hàng**

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|----------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Chi phí cho nhân viên | - | 202.348.978 |
| Chi phí vật liệu, bao bì | 294.670.005 | 672.328.685 |
| Chi phí dụng cụ, đồ dùng | 209.826.764 | 322.285.485 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 7.096.640.832 | 7.455.213.850 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 3.658.881.976 | 16.246.747.330 |
| Các chi phí khác | 159.319.907 | 991.871.145 |
| Cộng | <u>11.419.339.484</u> | <u>25.890.795.473</u> |

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|----------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Chi phí cho nhân viên | 9.334.469.296 | 15.960.652.716 |
| Chi phí vật liệu quản lý | 264.575.125 | 530.033.325 |
| Chi phí đồ dùng văn phòng | 148.265.723 | 201.270.585 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 3.305.169.847 | 2.668.396.856 |
| Thuế, phí và lệ phí | 439.317.392 | 455.695.215 |
| Dự phòng phải thu khó đòi | 33.063.888.142 | 39.777.492.425 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 1.292.801.011 | 2.392.070.264 |
| Các chi phí khác | 2.939.099.444 | 3.563.969.601 |
| Cộng | <u>50.787.585.980</u> | <u>65.549.580.987</u> |

7. Thu nhập khác

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|-----------------------------|------------------------------|
| Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định | 1.170.545.456 | 22.294.443.629 |
| Thu nhập từ thanh lý công cụ, dụng cụ | 343.611.868 | 323.052.184 |
| Thu nhập từ hỗ trợ lãi suất của Chính Phủ | 2.904.982.000 | 1.878.106.000 |
| Thu nhập từ phạt vi phạm hợp đồng | 681.637.500 | 628.310.480 |
| Thu nhập khác | 387.474.108 | 671.170.354 |
| Cộng | <u>5.488.250.932</u> | <u>25.795.082.647</u> |

8. Chi phí khác

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|-----------------------------|-----------------------------|
| Chi phí thanh lý, nhượng bán tài sản cố định | - | 3.650.856.884 |
| Chi phí thanh lý công cụ, dụng cụ | - | 115.648.611 |
| Phạt do vi phạm hợp đồng | 2.393.305.000 | 411.810.000 |
| Thuế bị phạt, bị truy thu | 281.275.303 | 573.805.837 |
| Chi phí môi giới | 560.000.000 | - |
| Chi phí khác | 930.777.327 | 60.406.625 |
| Cộng | <u>4.165.357.630</u> | <u>4.812.527.957</u> |

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|---------------------------|---------------------------|
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoãn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 168.724.539 | 259.620.530 |
| Cộng | <u>168.724.539</u> | <u>259.620.530</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

10. Lãi trên cổ phiếu

10a. Lãi cơ bản/ suy giảm trên cổ phiếu

| | Năm nay | Năm trước |
|--|------------------|------------------|
| Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông công ty mẹ | (74.059.791.280) | (63.630.110.833) |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi | - | - |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông: | - | - |
| Lợi nhuận tính lãi cơ bản/ suy giảm trên cổ phiếu | (74.059.791.280) | (63.630.110.833) |
| Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm | 11.959.982 | 11.959.982 |
| Lãi cơ bản/ suy giảm trên cổ phiếu | (6.192) | (5.320) |

Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi cơ bản/ suy giảm trên cổ phiếu được tính như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|---|-------------------|-------------------|
| Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm | 11.959.982 | 11.959.982 |
| Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi cơ bản/ suy giảm trên cổ phiếu | 11.959.982 | 11.959.982 |

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

| | Năm nay | Năm trước |
|----------------------------------|------------------------|------------------------|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 173.576.393.205 | 776.909.696.757 |
| Chi phí nhân công | 9.862.548.659 | 19.023.453.641 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 10.852.403.479 | 15.891.396.856 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 7.636.932.249 | 25.017.893.940 |
| Chi phí khác | 36.162.307.493 | 44.336.333.171 |
| Cộng | 238.090.585.085 | 881.178.774.365 |

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

1. Tiền thu từ đi vay

Tiền thu từ đi vay là tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường 201.683.195.158 VND.

2. Tiền trả nợ gốc vay

Tiền trả nợ gốc vay là tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường 295.537.094.064 VND.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Tài sản tiềm tàng

Một số khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng tại ngày 31/12/2015 có giá trị 108.371.269.195 VND Công ty cổ phần lương thực thực phẩm Vĩnh Long đã nộp đơn khởi kiện và đã có quyết định xử lý của Tòa án và một số khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng tại 31/12/2015 có giá trị 11.169.167.006 VND Công ty đang tiến hành khởi kiện và hi vọng sẽ được thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2. Nợ tiềm tàng

Công ty cổ phần lương thực thực phẩm Vĩnh Long đã thực hiện vụ kiện Cục thuế tỉnh Vĩnh Long về khoản thuế thu nhập doanh nghiệp bị truy thu với số tiền 31.347.563.097 VND. Mặc dù, Tòa án tỉnh Vĩnh Long đã ra phán quyết Công ty thắng kiện nhưng Cục thuế tỉnh Vĩnh Long đã kháng cáo lên Tòa án nhân dân tối cao. Đến thời điểm kết thúc năm tài chính này, vẫn chưa có phán quyết của Tòa án nhân dân tối cao về khoản thuế thu nhập doanh nghiệp bị truy thu này. Hiện tại, Công ty đang ghi nhận khoản thuế bị truy thu này vào chỉ tiêu Phải thu ngắn hạn khác. Nếu như Tòa án nhân dân tối cao ra phán quyết Công ty thắng kiện thì Công ty sẽ thu hồi lại tiền thuế bị truy thu này, trường hợp ngược lại Công ty phải ghi nhận khoản thuế bị truy thu này vào chi phí của Công ty.

3. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

3a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt của Công ty cổ phần lương thực thực phẩm Vĩnh Long

| | Năm nay | Năm trước |
|-------------|--------------------|----------------------|
| Tiền lương | 958.300.000 | 1.615.446.154 |
| Phụ cấp | 3.450.000 | 77.250.000 |
| Cộng | 961.750.000 | 1.692.696.154 |

3b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

| Bên liên quan khác | Mối quan hệ |
|--|-----------------------------|
| Công ty TNHH thương mại Sài Gòn - Vĩnh Long | Công ty liên kết |
| Công ty TNHH một thành viên - Tổng công ty lương thực Miền Nam | Cổ đông lớn |
| Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Nguyễn Kim | Cổ đông lớn |
| Công ty lương thực thực phẩm An Giang | Công ty con của cổ đông lớn |
| Công ty lương thực Sóc Trăng | Công ty con của cổ đông lớn |
| Công ty lương thực Bến Tre | Công ty con của cổ đông lớn |
| Công ty lương thực Long An | Công ty con của cổ đông lớn |
| Công ty lương thực Bạc Liêu | Công ty con của cổ đông lớn |
| Công ty lương thực Đồng Tháp | Công ty con của cổ đông lớn |
| Công ty lương thực Trà Vinh | Công ty con của cổ đông lớn |
| Công ty lương thực Vĩnh Long | Công ty con của cổ đông lớn |
| Công ty lương thực Sông Hậu | Công ty con của cổ đông lớn |

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

| Bên liên quan khác | Mối quan hệ | |
|--|-----------------------------|-----------------------|
| Công ty TNHH một thành viên lương thực TP. Hồ Chí Minh | Công ty con của cổ đông lớn | |
| Công ty cổ phần xuất nhập khẩu nông sản thực phẩm Cà Mau | Công ty con của cổ đông lớn | |
| Công ty cổ phần Docimexco | Công ty con của cổ đông lớn | |
| <i>Giao dịch với các bên liên quan khác</i> | | |
| Giao dịch phát sinh với công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2b. Các giao dịch phát sinh giữa Tập đoàn với các bên liên quan khác không phải là công ty liên kết như sau: | | |
| | Năm nay | Năm trước |
| Công ty TNHH một thành viên - Tổng công ty lương thực Miền Nam | 45.713.945.530 | 77.349.989.515 |
| <i>Doanh thu bán hàng lương thực</i> | <i>45.412.936.860</i> | <i>76.662.445.178</i> |
| <i>Phí giao nhận hàng hóa, phí ủy thác xuất khẩu</i> | <i>301.008.670</i> | <i>687.544.337</i> |
| Công ty lương thực thực phẩm An Giang | 101.503.600 | - |
| <i>Doanh thu bán bao bì</i> | <i>101.503.600</i> | - |
| Công ty lương thực Sóc Trăng | 71.194.200 | - |
| <i>Doanh thu bán bao bì</i> | <i>71.194.200</i> | - |
| Công ty lương thực Bến Tre | 16.143.995.000 | 25.262.541.750 |
| <i>Doanh thu bán hàng lương thực</i> | <i>16.143.995.000</i> | <i>25.262.541.750</i> |
| Công ty lương thực Long An | - | 64.178.300.000 |
| <i>Doanh thu bán hàng lương thực</i> | - | <i>14.400.000.000</i> |
| <i>Mua hàng lương thực</i> | - | <i>49.778.300.000</i> |
| Công ty lương thực Bạc Liêu | - | 4.028.622.500 |
| <i>Doanh thu bán hàng lương thực</i> | - | <i>4.028.622.500</i> |
| Công ty lương thực Đồng Tháp | - | 17.151.267.500 |
| <i>Doanh thu bán hàng lương thực</i> | - | <i>17.151.267.500</i> |
| Công ty lương thực Trà Vinh | - | 39.726.000 |
| <i>Doanh thu bán hàng lương thực</i> | - | <i>39.726.000</i> |
| Công ty lương thực Vĩnh Long | 101.604.800 | 113.164.817 |
| <i>Doanh thu bán hàng lương thực, bao bì</i> | <i>101.604.800</i> | <i>46.230.000</i> |
| <i>Mua hàng lương thực</i> | - | <i>66.934.817</i> |
| Công ty lương thực Sông Hậu | 64.256.000 | 11.755.710.420 |
| <i>Doanh thu bán hàng lương thực</i> | - | <i>11.639.700.000</i> |
| <i>Nhập mua bao PP</i> | <i>64.256.000</i> | <i>86.203.500</i> |
| <i>Phí giao nhận hàng hóa</i> | - | <i>29.806.920</i> |
| Công ty TNHH một thành viên lương thực TP. Hồ Chí Minh | - | 261.000.000 |
| <i>Doanh thu bán hàng lương thực</i> | - | <i>261.000.000</i> |
| Công ty cổ phần xuất nhập khẩu nông sản thực phẩm Cà Mau | - | 54.332.500 |
| <i>Doanh thu bán bao bì</i> | - | <i>54.332.500</i> |

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.6, V.13 và V.14.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

4. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ.

4a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động của Tập đoàn chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh lương thực.

4b. Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động của Tập đoàn được phân bố chủ yếu ở khu vực trong nước và khu vực nước ngoài.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|--------------------|------------------------|------------------------|
| Khu vực trong nước | 127.729.135.571 | 482.995.705.663 |
| Khu vực nước ngoài | 81.420.521.860 | 319.548.837.230 |
| Cộng | 209.149.657.431 | 802.544.542.893 |

Chi tiết về chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và tài sản bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của tài sản như sau:

| | Chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | | Tài sản bộ phận | |
|--------------------|---|----------------------|------------------------|------------------------|
| | Năm nay | Năm trước | Năm nay | Năm trước |
| Khu vực trong nước | 226.182.622 | 1.951.382.000 | 165.928.972.224 | 293.440.551.080 |
| Khu vực nước ngoài | - | - | - | - |
| Cộng | 226.182.622 | 1.951.382.000 | 165.928.972.224 | 293.440.551.080 |

5. Số liệu so sánh

5a. Áp dụng chế độ kế toán mới

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Tập đoàn đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 "Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con". Tập đoàn đã trình bày lại các số liệu so sánh theo quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp mới này.

6. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Tập đoàn phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

6a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tập đoàn.

Tập đoàn có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và tiền gửi ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Phải thu khách hàng

Tập đoàn giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng hoặc có tài sản đảm bảo đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Tập đoàn liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là cao và Tập đoàn đang tiến hành khởi kiện một số khách hàng đã quá hạn thanh toán (xem thuyết minh V.3).

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Tập đoàn được gửi tại các ngân hàng trong nước. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VIII.7 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

| | <u>Chưa quá hạn hoặc chưa bị giảm giá</u> | <u>Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá</u> | <u>Đã quá hạn nhưng không giảm giá</u> | <u>Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá</u> | <u>Cộng</u> |
|------------------------------------|---|---|--|---|------------------------|
| Số cuối năm | | | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 4.699.514.747 | - | - | - | 4.699.514.747 |
| Chứng khoán kinh doanh | - | 11.250.882 | - | - | 11.250.882 |
| Phải thu khách hàng | 5.585.574.250 | - | - | 114.844.804.000 | 120.430.378.250 |
| Các khoản cho vay | - | - | - | - | - |
| Các khoản phải thu khác | 33.912.081.498 | - | - | 173.159.046 | 34.085.240.544 |
| Tài sản tài chính sẵn sàng để bán | 1.500.000.000 | 10.000.000.000 | - | - | 11.500.000.000 |
| Cộng | 45.697.170.495 | 10.011.250.882 | - | 115.017.963.046 | 170.726.384.423 |
| Số đầu năm | | | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 10.233.249.885 | - | - | - | 10.233.249.885 |
| Chứng khoán kinh doanh | - | 11.250.882 | - | - | 11.250.882 |
| Phải thu khách hàng | 13.451.692.769 | - | - | 118.471.065.554 | 131.922.758.323 |
| Các khoản phải thu khác | 33.991.139.461 | - | - | - | 33.991.139.461 |
| Tài sản tài chính sẵn sàng để bán | 1.500.000.000 | 10.000.000.000 | - | - | 11.500.000.000 |
| Cộng | 59.176.082.115 | 10.011.250.882 | - | 118.471.065.554 | 187.658.398.551 |

6b. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tập đoàn quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

| | <u>Từ 1 năm trở xuống</u> | <u>Trên 1 năm đến 5 năm</u> | <u>Trên 5 năm</u> | <u>Cộng</u> |
|-------------------------|---------------------------|-----------------------------|----------------------|------------------------|
| Số cuối năm | | | | |
| Phải trả người bán | 295.000 | - | - | 295.000 |
| Vay và nợ | 181.445.149.449 | - | - | 181.445.149.449 |
| Các khoản phải trả khác | 11.912.458.528 | - | 946.688.725 | 12.859.147.253 |
| Cộng | 193.357.902.976 | - | 946.688.725 | 194.304.591.701 |
| Số đầu năm | | | | |
| Phải trả người bán | 10.282.458 | - | - | 10.282.458 |
| Vay và nợ | 231.161.062.300 | 40.244.437.000 | - | 271.405.499.300 |
| Các khoản phải trả khác | 699.304.121 | - | 1.713.618.451 | 2.412.922.572 |
| Cộng | 231.870.648.879 | 40.244.437.000 | 1.713.618.451 | 273.828.704.330 |

Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là khá cao. Tập đoàn có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

6c. *Rủi ro thị trường*

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Tập đoàn gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá chứng khoán và rủi ro giá hàng hóa, nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và ngày 01 tháng 01 năm 2015 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá chứng khoán, giá hàng hóa, nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Tập đoàn xuất khẩu sản phẩm với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Tập đoàn quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Tập đoàn như sau:

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|-----------------------|-----------------------|
| | USD | USD |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 20.124,38 | 28.608,39 |
| Phải thu khách hàng | 10.777,20 | 38.457,50 |
| Vay và nợ | (1.609.165,00) | (2.389.700,00) |
| Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ | (1.578.263,42) | (2.322.634,11) |

Tại ngày kết thúc năm tài chính, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu tỷ giá hối đoái giữa VND và USD tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Tập đoàn sẽ giảm/tăng 708.892.797 VND (cùng kỳ năm trước giảm/tăng 992.647.366 VND).

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn, và các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Tập đoàn quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Công ty như sau:

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|------------------------------------|--------------------------|-----------------------|--------------------------|-----------------------|
| | VND | USD | VND | USD |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 3.300.000.000 | - | 850.000.000 | |
| Vay và nợ | (177.599.875.344) | (1.609.165,00) | (204.584.437.000) | (2.389.700,00) |
| Tài sản/(Nợ phải trả) thuần | (174.299.875.344) | (1.609.165,00) | (203.734.437.000) | (2.389.700,00) |

Tại ngày kết thúc năm tài chính, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay VND có lãi suất thả nổi tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Tập đoàn sẽ giảm/tăng 3.485.997.507 VND (năm trước giảm/tăng 4.074.688.740 VND).

Tại ngày kết thúc năm tài chính, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay USD có lãi suất thả nổi tăng/giảm 1% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Tập đoàn sẽ giảm/tăng 361.386.276 VND (năm trước giảm/tăng 510.654.993 VND).

Rủi ro về giá chứng khoán

Các chứng khoán do Tập đoàn nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết của Tập đoàn tại ngày kết thúc năm tài chính là 1.240.500 VND (số đầu năm là 1.472.100 VND).

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của giá chứng khoán đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Tập đoàn là không đáng kể do khoản đầu tư chứng khoán có giá trị nhỏ.

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Rủi ro về giá hàng hóa, nguyên vật liệu

Tập đoàn có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa, nguyên vật liệu. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá hàng hóa, nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Tập đoàn chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa, nguyên vật liệu.

6d. Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Tập đoàn thế chấp khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Vĩnh Long và Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Tiền Giang (xem thuyết minh số V.3). Giá trị sổ sách của tài sản thế chấp tại ngày kết thúc năm tài chính là 116.977.132.291 VND (số đầu năm là 126.884.221.335 VND).

Tập đoàn sẽ được giải chấp các tài sản thế chấp khi đã hoàn tất nghĩa vụ trả nợ. Không có các điều khoản và điều kiện đặc biệt liên quan đến việc sử dụng các tài sản thế chấp này.

Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Tập đoàn không nhận tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và tại ngày 01 tháng 01 năm 2015.

7. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

| | Giá trị ghi sổ | | | | Giá trị hợp lý | |
|------------------------------------|------------------------|-------------------------|------------------------|-------------------------|-----------------------|------------------------|
| | Số cuối năm | | Số đầu năm | | Số cuối năm | Số đầu năm |
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 4.699.514.747 | - | 10.233.249.885 | - | 4.699.514.747 | 10.233.249.885 |
| Chứng khoán kinh doanh | 11.250.882 | (10.010.382) | 11.250.882 | (9.778.782) | 1.240.500 | 1.472.100 |
| Phải thu khách hàng | 120.430.378.250 | (78.980.533.339) | 131.922.758.323 | (42.839.681.530) | 41.449.844.911 | 89.083.076.793 |
| Các khoản phải thu khác | 34.085.240.544 | - | 33.991.139.461 | - | 34.085.240.544 | 33.991.139.461 |
| Tài sản tài chính sẵn sàng để bán | 11.500.000.000 | (1.227.618.805) | 11.500.000.000 | (1.209.640.002) | 10.272.381.195 | 10.290.359.998 |
| Cộng | 170.726.384.423 | (80.218.162.526) | 187.658.398.551 | (44.059.100.314) | 90.508.221.897 | 143.599.298.237 |

Nợ phải trả tài chính

| | Giá trị ghi sổ | | Giá trị hợp lý | |
|-------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
| | Số cuối năm | Số đầu năm | Số cuối năm | Số đầu năm |
| | Phải trả người bán | 295.000 | 10.282.458 | 295.000 |
| Vay và nợ | 177.599.875.344 | 271.405.499.300 | 177.599.875.344 | 271.405.499.300 |
| Các khoản phải trả khác | 12.859.147.253 | 2.412.922.572 | 12.859.147.253 | 2.412.922.572 |
| Cộng | 190.459.317.597 | 273.828.704.330 | 190.459.317.597 | 273.828.704.330 |

Phương pháp xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tập đoàn sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc năm tài chính. Đối với các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết nhưng có giá giao dịch do 03 công ty chứng khoán công bố tại ngày kết thúc năm tài chính thì giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do 03 công ty chứng khoán công bố.
- Giá trị hợp lý của vay và các khoản phải trả khác dài hạn được ước tính bằng cách chiết khấu dòng tiền với lãi suất áp dụng cho các khoản nợ có đặc điểm và thời gian đáo hạn còn lại tương tự.

Tập đoàn chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.

8. Thông tin về hoạt động liên tục

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 Tập đoàn tiếp tục bị lỗ 74.059.791.280 VND và khoản lỗ lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 155.432.606.416 VND. Ngoài ra, tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn 102.037.409.046 VND. Các yếu tố này có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Tập đoàn.

Tuy nhiên, Tập đoàn đã làm việc với các ngân hàng để gia hạn các khoản nợ vay và các cổ đông cùng các bên có liên quan của Tập đoàn cũng cam kết sẽ hỗ trợ tài chính cho Tập đoàn bằng cách sẽ cơ cấu lại nguồn vốn để Tập đoàn có thể thanh toán các khoản nợ trong thời gian sớm nhất. Do vậy Báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 vẫn được lập dựa trên giả thiết Tập đoàn hoạt động kinh doanh liên tục.

9. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Vĩnh Long, ngày 01 tháng 3 năm 2016

Phạm Thị Cẩm Nhung
Người lập biểu

Phan Ngọc Bình
Kế toán trưởng



Trần Thanh Hùng
Tổng Giám đốc